

Bản án số: 36/2018/DS-ST
Ngày 14 tháng 11 năm 2018
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đơ Niê; Ông Nguyễn Võ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thành L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018.): Ông Võ Văn H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn L (tên gọi khác: Ngọc S), sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị N, sinh năm 1979. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Chí D, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2018 của nguyên đơn ông Võ Thành L và các lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:**

Ông Võ Thành L bán thức ăn chăn nuôi cho gia đình ông Phạm Văn L nhiều lần với tổng số tiền hiện nay gia đình ông Phạm Văn L còn nợ là 136.815.000đồng, theo giấy ghi nợ ngày 04/02/2017; ngày 04/02/2017 và ngày 27/3/2017 (Âm lịch). Các bên có thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 04/4/2017

(ÂL), lãi suất tính theo lãi suất của Ngân hàng. Tuy nhiên đến nay gia đình ông Phạm Văn L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận.

Ông Phạm Văn L là người ký nhận nợ nhưng việc mua thức ăn chăn nuôi mục đích để phục vụ cho việc chăn nuôi của gia đình nên bà N (vợ ông Phạm Văn L) cùng với anh D (con của vợ chồng ông L, bà N) là người nhận cam vào ngày 27/3/2017 có trách nhiệm trả nợ cùng với ông Phạm Văn L.

Ông Võ Thành L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn L, bà Dương Thị N và anh Phạm Chí D phải trả 170.334.000đồng (gồm 136.815.000đồng tiền nợ gốc và 30.783.000đồng tiền lãi tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày 04/4/2017 với lãi suất 1%/tháng tiền lãi tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày 07/6/2018 với lãi suất 1,5%/tháng).

** Theo bản tự khai, lời khai tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:*

Ông Phạm Văn L thừa nhận trước đây vợ chồng ông có nhận đầu tư bằng thức ăn chăn nuôi từ ông Võ Thành L, do heo chết vì dịch bệnh, giá bán thấp nên không có khả năng trả nợ tiền đầu tư cho ông Võ Thành L. Tính đến nay gia đình ông Phạm Văn L còn nợ 136.815.000đồng như nguyên đơn trình bày.

Giấy nợ ngày 04/02/2017 (ÂL) đối với số tiền 124.960.000đồng mà nguyên đơn cung cấp là không đúng, ông Phạm Văn L thừa nhận nợ cũ tính đến ngày 04/02/2017 là 124.960.000đồng nhưng không có thỏa thuận đó là tiền vay, không thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất. Số nợ trên là tiền nợ do đầu tư thức ăn chăn nuôi, nên ông Phạm Văn L không chấp nhận số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu.

Phạm Chí D là con của ông L và bà N, nhưng anh D chỉ thay mặt bố mẹ nhận cam và ký xác nhận nợ, ngoài ra không liên quan đến hợp đồng đầu tư của ông Võ Thành L và chăn nuôi của gia đình, do đó vợ chồng ông Phạm Văn L, bà Dương Thị N sẽ có trách nhiệm trả 136.815.000đồng tiền đầu tư cho ông Võ Thành L.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Chí D trình bày:*

Việc mua bán, nhận đầu tư thức ăn chăn nuôi giữa ông Võ Thành L với bố và mẹ (ông L, bà N) anh D hoàn toàn không biết, anh D chỉ có một lần nhận thay thức ăn chăn nuôi cho bố và mẹ. Do vậy anh D không liên quan gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật nhưng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Phạm Văn L, bà Dương Thị N phải trả cho ông Võ Thành L 155.696.000đồng (gồm 136.815.000đồng tiền nợ gốc theo giấy nhận nợ ngày 04/02/2017, ngày 27/3/2017 và 18.881.000đồng tiền lãi).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Phạm Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N, anh Phạm Chí D cùng có nơi cư trú tại: Thôn 9, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ông Võ Thành L ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng tại Toà án, theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018. Căn cứ vào Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc uỷ quyền giữa các đương sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N, anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án vẫn được tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Các bên đều thừa nhận vợ chồng ông Phạm Văn L, bà Dương Thị N có nhận đầu tư thức ăn chăn nuôi từ ông Võ Thành L. Tổng số tiền đầu tư vợ chồng ông Phạm Văn L còn nợ là 136.815.000đồng, gồm 124.960.000đồng; 4.480.000đồng theo giấy ghi nợ ngày 04/02/2017 và 7.375.000đồng theo giấy ghi nợ ngày 27/3/2017. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 136.815.000đồng theo giấy ghi nợ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về lãi suất:

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm giấy ghi nợ ngày 04/02/2017 đối với số tiền 124.960.000đồng, lãi suất tính theo lãi ngân hàng, thời hạn trả sau 02 tháng. Giấy mua bán ngày 04/02/2017 và ngày 27/3/2017.

Sau khi nhận đầu tư và đã quá thời hạn thanh toán theo cam kết, nhưng bị đơn không thanh toán số tiền tương đương với tài sản nhận được là 136.815.000đồng, nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng đầu tư, do đó phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 04/02/2017 âm lịch (tức ngày 01/3/2017 Dương lịch) đến ngày khởi kiện theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc các bên cam kết không rõ ràng, bên nguyên đơn xác định tiền lãi theo quy định của ngân hàng, nhưng Tòa án không xác định được tiền lãi theo ngân hàng nào, mặt khác bị đơn tranh chấp về tiền lãi phát sinh và không chấp nhận trả lãi cho nguyên đơn. Do đó căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất hoặc các bên không thỏa thuận lãi suất thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

Như vậy tiền lãi chậm trả sẽ được tính như sau:

Tiền lãi đối với nợ cũ và tiền nợ ngày 04/2/2017 (ÂL) (tức ngày 01/3/2017 Dương lịch) đến ngày 19/7/2018: $(124.960.000\text{đồng} + 4.480.000\text{đồng}) \times 10\%/năm \times 16 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 17.906.000\text{đồng}$.

Tiền lãi đối với tiền nợ ngày 27/3/2018 ÂL(tức ngày 23/4/2017 Dương lịch) đến ngày 19/7/2018: $7.375.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 15 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 975.000\text{đồng}$.

Tổng số tiền lãi chậm trả là 18.881.000đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 33.519.000đồng tiền lãi gồm 2.736.000đồng tiền lãi tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày 04/4/2017 với lãi suất 1%/tháng và 30.783.000đồng tiền lãi tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày 07/6/2018 với lãi suất 1,5%/tháng là vượt quá lãi suất theo quy định pháp luật, nên HĐXX không chấp nhận đối với số tiền lãi chênh lệch là $(33.519.000\text{đồng} - 18.881.000\text{đồng}) = 14.638.000\text{đồng}$.

[4] Ông Phạm Văn L, bà Dương Thị N là vợ chồng, việc nhận đầu tư là phục vụ cho việc chăn nuôi phát triển kinh tế chung trong gia đình, nên mặc dù bà N không trực tiếp ký xác lập hợp đồng với ông Võ Thành L nhưng vẫn phải có nghĩa vụ cùng ông Phạm Văn L trả khoản tiền nợ và lãi suất chậm trả.

Anh D mặc dù là con của vợ chồng ông Phạm Văn L, bà Dương Thị N nhưng việc mua bán nhận đầu tư thức ăn chăn nuôi anh D hoàn toàn không biết, không tham gia vào hoạt động kinh tế của gia đình, anh D ký nhận nợ chỉ là

nhận thay. Do vậy anh D không có trách nhiệm phải trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

- Gia đình vợ chồng ông Phạm Văn L, bà Dương Thị N thuộc diện cận nghèo theo quy định của Chính phủ, bị đơn ông L có đơn xin miễn giảm án phí; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N không có đơn xin miễn giảm án phí. Nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Phạm Văn L. Bà N phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả theo phần $(155.696.000\text{đồng}/2) \times 5\%$.

- Nguyên đơn ông Võ Thành L phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được HĐXX chấp nhận $(14.638.000\text{đồng} \times 5\%)$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều a khoản 1 Điều 35, Điều a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc vợ chồng ông Phạm Văn L, bà Dương Thị N phải trả cho ông Võ Thành L 155.696.000đồng tiền đầu tư thức ăn gia súc theo giấy nhận nợ ngày 04/02/2017 và ngày 27/3/2017 (gồm 136.815.000đồng tiền nợ gốc và 18.881.000đồng tiền lãi phát sinh do chậm trả).

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 14.638.000đồng tiền lãi do lãi suất vượt quá giới hạn theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bị đơn ông Phạm Văn L được miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N phải chịu 3.892.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

- Nguyên đơn ông Võ Thành L phải chịu 732.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 4.258.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006093 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrăk. Trả lại cho ông Võ Thành L 3.526.000đồng.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Võ Đức Hợi